

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23/9/2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Vũ Mạnh Cường**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Trần Sóng Thành và ông Nguyễn Ánh Ngọc**
- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Hà Văn Tuấn** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:* **Bà Lê Thị Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 347/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 107b/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Kiều Tr**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số B4/099, ấp B, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Ngọc Q**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 29/1D, ấp T, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

*(Chị Tr, anh Q vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**+/- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2022, bản tự khai đề ngày 11/5/2022 các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị Kiều Tr trình bày:**

Chị Tr và anh Phạm Ngọc Q quen biết nhau, tìm hiểu một thời gian thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thống Nhất vào ngày 27/4/2017. Đây là hôn nhân lần đầu của chị Tr.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chồng ở ấp T, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm và lối sống, giữa chị Tr và anh Q thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến chửi bới, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của nhau. Khoảng tháng 11 năm 2019 chị Tr về nhà bố mẹ ruột tại ấp B, xã Q, huyện Thống Nhất để sinh sống và làm việc, trong thời gian đó anh Q không lên thăm nom hay hỏi han chị Tr, thậm chí còn nhiều lần gọi điện chửi bới, trách móc

chị Tr làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mâu thuẫn giữa chị Tr và anh Q đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không thể giải quyết được. Từ đó đến nay giữa chị Tr và anh Q đã không còn sống chung với nhau, không thường xuyên liên lạc, không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, giữa anh chị không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Ngọc Q.

- *Về con chung*: Theo chị Tr vợ chồng không có con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Tr trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Tr không còn yêu cầu gì khác, ngày 10/5/2022 chị Tr có đơn xin xét xử vắng mặt.

**+/ Theo bản tự khai ngày 11/5/2022, các lời khai tiếp theo bị đơn anh Phạm Ngọc Q trình bày:**

Anh Phạm Ngọc Q thừa nhận về quan hệ hôn nhân giữa anh với chị Trần Thị Kiều Tr như chị Tr trình bày là đúng, đây là lần đăng ký kết hôn đầu của anh Q. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chồng ở số 29/1D, ấp T, xã G, huyện Thống Nhất, trong quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình của anh chị không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, bất đồng về quan điểm và lối sống, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến chửi bới, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của nhau. Khoảng hai năm trở lại đây chị Tr về nhà bố mẹ ruột tại ấp B, xã Q để sinh sống và làm việc, hiện nay anh chị đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn giữa chị Tr và anh Q đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không thể giải quyết được. Nay chị Tr làm đơn yêu cầu ly hôn thì anh Q đồng ý,

- *Về con chung*: Theo anh Q, vợ chồng chung sống không có con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Q không còn yêu cầu gì khác.

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:**

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kiều Tr được ly hôn với anh Phạm Ngọc Q.

+ Về con chung: Chị Tr và anh Q đều thừa nhận không có con chung nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107b/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2022 cho nguyên đơn chị Trần Thị Kiều Tr và bị đơn anh Phạm Ngọc Q. Ngày 10/5/2022 chị Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Kiều Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Ngọc Q nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phạm Ngọc Q hiện đang cư trú tại số 29/1D, ấp T, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Trần Thị Kiều Tr là nguyên đơn, anh Phạm Ngọc Q là bị đơn.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 131, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về đường lối giải quyết: Chị Trần Thị Kiều Tr và anh Phạm Ngọc Q khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/4/2017 (BL 06) theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ. Trong cuộc sống hôn nhân gia đình chị Tr và anh Q trình bày giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 20, 21) điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ở lời khai của các bên đương sự và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương (BL 26, 27).

[6.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị Tr tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tr yêu cầu ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[7] Về con chung: Theo chị Tr và anh Q trình bày chị Tr và anh Q không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[8] Về tài sản chung: Chị Tr và anh Q khai tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung, nợ riêng: Chị Tr và anh Q trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Chị Tr, anh Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[12] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên cần ghi nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

[2] Tuyên xử:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kiều Tr về việc “Ly hôn” với anh Phạm Ngọc Q. Xử cho chị Trần Thị Kiều Tr và anh Phạm Ngọc Q ly hôn.

[2.2] Về con chung: Theo chị Trần Thị Kiều Tr và anh Phạm Ngọc Q, chị Tr và anh Q không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Kiều Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0003670 ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

[4] Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
  - VKSND tỉnh Đồng Nai;
  - VKSND H. Thống Nhất;
  - CCTHADS H. Thống Nhất;
  - UBND xã G, H. Thống Nhất
- (Giấy CNKH số 62/2017);
- Các đương sự;
  - Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Mạnh Cường**